

Phụ lục II

NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC VIỆC LÀM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày tháng 6 năm 2026
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ (02 QUY TRÌNH)

I. Quy trình: Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (QT-01)

1. Cơ sở pháp lý

- Bộ luật Lao động 2019;
- Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Quyết định số 526/QĐ-BNV ngày 13/5/2026 của Bộ Nội vụ Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND Thành phố về việc phân cấp Sở Nội vụ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1.1	1.1. Đối với người lao động nước ngoài là trưởng văn phòng đại diện, dự án hoặc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (khoản 3 Điều 154 của Bộ luật Lao động năm 2019)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh,	Bản sao/bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
	chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản sao/bản chính	01
1.2	1.2. Đối với người lao động nước ngoài có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (khoản 9 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản sao/bản chính	01
1.3	1.3. Đối với người lao động nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận vào Việt Nam để thực hiện công việc giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao chương trình giáo dục quốc tế (điểm a khoản 14 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản sao/bản chính	01
1.4	1.4. Đối với người lao động nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận vào Việt Nam để làm nhà quản lý, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam (điểm b khoản 14 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản sao/bản chính	01
1.5	1.5. Đối với người lao động nước ngoài được các bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận vào Việt Nam làm việc trong các lĩnh vực: tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, các lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội (khoản 15 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong	Bản sao/bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
	trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản sao/bản chính	01
1.6	1.6. Đối với người lao động nước ngoài thuộc trường hợp theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (khoản 7 Điều 154 Bộ luật Lao động năm 2019)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn	Bản sao/bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
	bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.		
1.7	1.7. Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức theo quy định hay thỏa thuận trong các điều ước quốc tế về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài (khoản 4 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.		01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1.8	1.8. Đối với người lao động nước ngoài được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cử sang Việt Nam giảng dạy, làm nhà quản lý, giám đốc điều hành tại cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam hoặc các cơ sở, tổ chức được thành lập theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia (khoản 6 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bản sao/bản chính	01
1.9	1.9. Đối với người lao động nước ngoài là học sinh, sinh viên, học viên nước ngoài đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở Việt Nam hoặc nước ngoài có thỏa thuận thực tập hoặc thư mời làm việc cho người sử dụng lao động tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam (khoản 7 Điều 7 Nghị định số		

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
	219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bản sao/bản chính	01
1.10	1.10. Đối với người lao động nước ngoài là tình nguyện viên làm việc tại Việt Nam theo hình thức tự nguyện và không hưởng lương để thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam (khoản 11 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ	Bản sao/bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
	thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bản sao/bản chính	01
1.11	1.11. Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam thực hiện thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật (khoản 12 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bản sao/bản chính	01
1.12	1.12. Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	+ Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	Bản sao/bản chính	01
	+ Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
1.13	1.13. Đối với người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	+ Điều lệ công ty hoặc văn bản quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
1.14	1.14. Đối với người lao động nước ngoài là chuyên gia di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là chuyên gia là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	+ Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương và văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của chuyên gia đó.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	+ Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương trong lĩnh vực tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội hoặc theo thỏa thuận hợp tác của Chính phủ Việt Nam và văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của chuyên gia đó.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	+ Giấy chứng nhận thành tích cao, bằng cấp, kinh nghiệm trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đối với nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du	Bản sao/bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
	lịch.		
	+ Giấy phép lái tàu bay, chứng chỉ chuyên môn được phép làm việc trên tàu bay đối với tiếp viên hàng không, chứng nhận trình độ chuyên môn trong lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay, chứng nhận khả năng chuyên môn đối với thuyền viên nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Trường hợp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Bản sao/bản chính	01
	+ Giấy tờ chứng minh về trình độ, trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp đối với chuyên gia làm việc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Trường hợp chuyên gia làm việc trong Trung tâm ngoại ngữ, tin học phải đảm bảo theo quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm.	Bản sao/bản chính	01
	+ Giấy tờ chứng minh chuyên gia làm việc trong một số nghề, công việc đặc thù khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, công việc đặc thù.	Bản sao/bản chính	01
1.15	1.15. Đối với người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
5.	(5) Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	+ Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh đào tạo ít nhất 01 năm và văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của lao động kỹ thuật đó.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	+ Văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của lao động kỹ thuật đó.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại các Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	
2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích	
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết		Mức thu (ĐVT: Việt Nam đồng)		Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
Ngày làm việc	Giờ làm việc	Phí	Lệ phí	
- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.	40 giờ	Không	Không	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu đề nghị Về việc cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người sử dụng người lao động.

7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (ĐVT: Ngày làm việc)	Biểu mẫu/ kết quả
Bước 1	Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến). - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp không thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận lập Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Số hóa hồ sơ vào Hệ thống và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; chuyển đến Lãnh đạo Phòng chuyên môn trên Hệ thống.	0,5 ngày làm việc	- Thành phần hồ sơ theo quy định. - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có). - Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ/hướng dẫn thực hiện đúng thẩm quyền (nếu có). - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 2	Trưởng Phòng chuyên môn, Sở Nội vụ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, chuyển trên Hệ thống đến công chức Phòng để phân công thực hiện.	0,5 ngày làm việc	

Bước 3	Chuyên viên phòng chuyên môn, Sở Nội vụ	Công chức Phòng chuyên môn được phân công thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định thì nêu rõ lý do hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách xem xét. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách. Dự thảo giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động và ký nháy, trình cùng hồ sơ trên dịch vụ công.	1,5 ngày làm việc (Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: 0,5 ngày làm việc)	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn, Sở Nội vụ	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, phê duyệt hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định, chuyên viên phòng chuyên môn dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký ban hành. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ và ký nháy Dự thảo giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động trình lãnh đạo Sở Nội vụ xem xét, phê duyệt	01 ngày làm việc (Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: 0,5 ngày làm việc)	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo

Bước 5	Lãnh đạo Sở Nội vụ	Lãnh đạo Sở Nội vụ xem xét hồ sơ và có ý kiến đồng ý hay không đồng ý cấp phép + Trường hợp lãnh đạo đồng ý thì ký giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động chuyển văn thư. + Trường hợp lãnh đạo Sở Nội vụ không đồng ý thì chuyển hồ sơ về chuyên viên phụ trách, chuyên viên dự thảo văn bản trả lời không cấp giấy xác nhận, trình lãnh đạo phòng ký chuyển văn thư.	01 ngày làm việc (Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: 0,5 ngày làm việc)	Kết quả thủ tục hành chính.
Bước 6	Bộ phận Văn thư, Công chức phòng chuyên môn, Sở Nội vụ	Văn thư thao tác đóng dấu chuyển trả kết quả trên dịch vụ công Đồng thời, Công chức phòng chuyên môn chuyển trả kết quả cho Điểm hỗ trợ dịch vụ công số (nếu nhận kết quả bản giấy)	0,5 ngày làm việc	
Bước 7	Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật trạng thái hồ sơ, lưu trữ thông tin tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.	Khi công dân đến nhận kết quả	- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã trả cho tổ chức/cá nhân
<i>Tổng thời gian: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.</i>				

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

Trách nhiệm	Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC (nếu pháp luật quy định).	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về Trung tâm PVHCC, đảm bảo thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ	Lưu trữ các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định của Luật lưu trữ 2024, luật Dữ liệu 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.	Lưu trữ hồ sơ TTHC đã giải quyết theo quy định của pháp luật về lưu trữ 2024, Luật dữ liệu 2024 và văn bản pháp luật có liên quan.

Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo
Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ

TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận
không thuộc diện cấp giấy phép lao động

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ...(Cơ quan có thẩm quyền)¹

I. Thông tin chung về người sử dụng lao động

1. Tên người sử dụng lao động:.....
2. Loại hình người sử dụng lao động²:
3. Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có):
4. Tổng số người lao động đang làm việc cho người sử dụng lao động: ... người.
Trong đó, số người lao động nước ngoài đang làm việc là: ...người
5. Địa chỉ³:
6. Điện thoại:Email (nếu có):.....
7. Giấy phép kinh doanh/thành lập/hoạt động số:
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động chính⁴:
- * Trường hợp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện (nếu có):*
Giấy phép kinh doanh/hoạt động số:
Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động⁵:
Cơ quan cấp: Thời hạn:
8. Người nộp hồ sơ để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email):
.....

II. Đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Người sử dụng lao động đề nghị ... (Cơ quan có thẩm quyền)... cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm... khoản... Điều... Nghị định này.

Lý do đề nghị (*áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, nêu rõ lý do*):.....

1. Thông tin cơ bản

- a) Họ và tên (In hoa)/Full name (In capital letters):
- b) Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:
- c) Giới tính (Nam/Nữ)/Sex (Male/Female):
- d) Quốc tịch/Nationality:

đ) Số hộ chiếu/*Passport number*:

Có giá trị đến ngày/*Date of expiry*:

e) Mã số định danh cá nhân (nếu có)/*Personal Identification Number (If any)*:
.....

2. Thông tin về việc làm dự kiến

a) Vị trí công việc/*Job assignment*:

Cụ thể, lĩnh vực làm việc/*Job field*:

b) Hình thức làm việc/*Working form*:

c) Trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có)/*Technical professional qualification (If any)*:
.....

d) Làm việc tại (kê khai trong trường hợp làm việc cho người sử dụng lao động khác với người sử dụng lao động tại mục I)/*Working at (To be declared in the event of working at employer that differs from employer in section I)*:

Tên người sử dụng lao động/*Name of employer*:
.....

Loại hình người sử dụng lao động/*Type of employer*:
.....

Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có)/*Identification Number of employer (If any)*:

đ) Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc)¹¹/*Working place (List of place)*:

e) Thời hạn làm việc/*Period of work*: Từ (ngày/tháng/năm)/ *from (day/month/year)* đến (ngày/tháng/năm)/ *to (day/month/year)*

3. Hình thức nhận kết quả

Hình thức (trực tuyến/trực tiếp/dịch vụ bưu chính công ích):

Địa chỉ nhận kết quả¹²:

Người sử dụng lao động xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, người sử dụng lao động xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

^{(2), (10)} Ghi cụ thể: Khu vực nhà nước; doanh nghiệp (Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước; khu vực nước ngoài; nhà thầu; tổ chức/cơ quan khác.

^{(3), (11), (12)} Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

⁽⁴⁾ Ghi theo mã ngành kinh tế cấp 1 quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

⁽⁵⁾ Ghi theo danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

⁽⁶⁾ Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; chuyên gia; lao động kỹ thuật.

⁽⁷⁾ Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghề nghiệp dự kiến làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể hình thức làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

⁽⁹⁾ Ghi cụ thể (nếu có): Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, trình độ khác.

II. Quy trình: Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (QT-02)

1. Cơ sở pháp lý

- Bộ luật Lao động 2019;
- Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Quyết định số 526/QĐ-BNV ngày 13/5/2026 của Bộ Nội vụ Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND Thành phố về việc phân cấp Sở Nội vụ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1.1	1.1. Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người	Bản sao/bản chính	01

	đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự là một trong các trường hợp sau:		
	- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam cấp không quá 6 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ, trừ trường hợp đã thực hiện liên thông thủ tục hành chính về cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cấp giấy phép lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
	- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài cấp không quá 6 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ.	Bản sao/bản chính	01
5.	(5) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
7.	(7) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	(7.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên	Bản sao/bản chính	01

	lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.		
	<i>(7.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.7) Đối với hình thức là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, chủ sở hữu, thành viên của công ty</i>	Bản sao/bản chính	01

	<i>trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn dưới 3 tỷ đồng:</i>		
	Văn bản chứng minh là phải có giấy tờ chứng minh là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
1.2.	1.2. Đối với trường hợp người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự là một trong các trường hợp sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc	Bản sao/bản chính	01

	chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự <i>của Việt Nam</i> cấp không quá 6 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ, trừ trường hợp đã thực hiện liên thông thủ tục hành chính về cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cấp giấy phép lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.		
	- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự <i>của nước ngoài</i> cấp không quá 6 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ.	Bản sao/bản chính	01
5.	(5) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty hoặc văn bản quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
7.	(7) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01

	<i>(7.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01

	<i>(7.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
1.3	1.3. Đối với người lao động nước ngoài là chuyên gia		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự là một trong các trường hợp sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam cấp không quá 6 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ, trừ trường hợp đã thực hiện liên thông thủ tục hành chính về cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cấp giấy phép lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01

	- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự <i>của nước ngoài</i> cấp không quá 6 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ.	Bản sao/bản chính	01
5.	(5) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là chuyên gia là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương và văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của chuyên gia đó.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	- Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương trong lĩnh vực tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội hoặc theo thoả thuận hợp tác của Chính phủ Việt Nam và văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của chuyên gia đó.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01

	- Giấy chứng nhận thành tích cao, bằng cấp, kinh nghiệm trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đối với nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép lái tàu bay, chứng chỉ chuyên môn được phép làm việc trên tàu bay đối với tiếp viên hàng không, chứng nhận trình độ chuyên môn trong lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay, chứng nhận khả năng chuyên môn đối với thuyền viên nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Trường hợp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy tờ chứng minh về trình độ, trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp đối với chuyên gia làm việc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Trường hợp chuyên gia làm việc trong Trung tâm ngoại ngữ, tin học phải đảm bảo theo quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy tờ chứng minh chuyên gia làm việc trong một số nghề, công việc đặc thù khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, công việc đặc thù.	Bản sao/bản chính	01
7.	(7) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01

	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
1.4	1.4. Đối với trường hợp người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ	Bản sao/bản chính	01

	trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự là một trong các trường hợp sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của Việt Nam cấp không quá 6 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ, trừ trường hợp đã thực hiện liên thông thủ tục hành chính về cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cấp giấy phép lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
	- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài cấp không quá 6 tháng, kể từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ.	Bản sao/bản chính	01
5.	(5) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh đào tạo ít nhất 01 năm và văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước	Bản sao/bản chính	01

	ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của lao động kỹ thuật đó.		
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	- Văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của lao động kỹ thuật đó.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
7.	(7) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01

	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
1.5	1.5. Trường hợp người lao động nước ngoài là nhà quản lý đã được cấp giấy phép lao động đang còn hiệu lực có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động		
1.	(1) Giấy xác nhận của người sử dụng lao động về việc người lao động nước ngoài hiện đang làm việc.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01

4.	(4) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
7.	(7) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01

	<i>(7.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.7) Đối với hình thức là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, chủ sở hữu, thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn dưới 3 tỷ đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản chứng minh là phải có giấy tờ chứng minh là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
1.6	1.6. Trường hợp người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành đã được cấp giấy phép lao động đang còn hiệu lực có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động		

1.	(1) Giấy xác nhận của người sử dụng lao động về việc người lao động nước ngoài hiện đang làm việc.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty hoặc văn bản quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
7.	(7) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01

	<i>(7.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01

	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
1.7	1.7. Trường hợp người lao động nước ngoài là chuyên gia đã được cấp giấy phép lao động đang còn hiệu lực có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động		
1.	(1) Giấy xác nhận của người sử dụng lao động về việc người lao động nước ngoài hiện đang làm việc.	Bản sao	01
2.	(2) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01

	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
1.8	1.8. Trường hợp người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật đã được cấp giấy phép lao động đang còn hiệu lực có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động		
1.	(1) Giấy xác nhận của người sử dụng lao động về việc người lao động nước ngoài hiện đang làm việc.	Bản sao/bản chính	01

2.	(2) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01

	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
1.9	1.9. Trường hợp người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động đang còn hiệu lực có nhu cầu thay đổi vị trí công việc ghi trong giấy phép lao động nhưng không thay đổi người sử dụng lao động phải làm thủ tục cấp giấy phép lao động		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Giấy tờ chứng minh thay đổi vị trí công việc	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.1) Đối với trường hợp thay đổi vị trí công việc thành nhà quản lý, giấy tờ chứng minh là một trong các giấy tờ sau:</i>	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01

	- Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.2) Đối với trường hợp thay đổi vị trí công việc thành giám đốc điều hành, giấy tờ chứng minh là một trong các giấy tờ sau:</i>	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty hoặc văn bản quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.3) Đối với trường hợp thay đổi vị trí công việc thành chuyên gia, giấy tờ chứng minh là một trong các giấy tờ sau:</i>	Bản sao/bản chính	01
	- Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương và văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của chuyên gia đó.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	- Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương trong lĩnh vực tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội hoặc	Bản sao/bản chính	01

	theo thoả thuận hợp tác của Chính phủ Việt Nam và văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của chuyên gia đó.		
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy chứng nhận thành tích cao, bằng cấp, kinh nghiệm trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đối với nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép lái tàu bay, chứng chỉ chuyên môn được phép làm việc trên tàu bay đối với tiếp viên hàng không, chứng nhận trình độ chuyên môn trong lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay, chứng nhận khả năng chuyên môn đối với thuyền viên nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Trường hợp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy tờ chứng minh về trình độ, trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp đối với chuyên gia làm việc trong lĩnh vực 58 giáo dục và đào tạo. Trường hợp chuyên gia làm việc trong Trung tâm ngoại ngữ, tin học phải đảm bảo theo quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy tờ chứng minh chuyên gia làm việc trong một số nghề, công việc đặc thù khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, công việc đặc thù.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.4) Đối với trường hợp thay đổi vị trí công việc thành lao động kỹ thuật, giấy tờ chứng minh là một trong các giấy tờ sau:</i>	Bản sao/bản chính	01
	- Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh đào tạo ít nhất 01 năm và văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của lao động kỹ thuật đó.	Bản sao/bản chính	01

	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	- Văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của lao động kỹ thuật đó.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
1.10	1.10. Trường hợp người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động đang còn hiệu lực có nhu cầu thay đổi hình thức làm việc ghi trong giấy phép lao động nhưng không thay đổi người sử dụng lao động phải làm thủ tục cấp giấy phép lao động		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
3.	(3) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
4.	(4) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm	Bản sao/bản chính	01

	việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.		
	<i>(4.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội; Tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài là văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.3) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài là văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.4) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.5) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp theo hình thức làm việc chào bán dịch vụ (trên 03 tháng) phải có văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.6) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(4.7) Đối với hình thức là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, chủ sở hữu, thành viên của công ty</i>	Bản sao/bản chính	01

	<i>trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn dưới 3 tỷ đồng:</i>		
	Văn bản chứng minh là phải có giấy tờ chứng minh là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
1.11	1.11. Trường hợp người lao động nước ngoài là nhà quản lý đã được gia hạn giấy phép lao động có nhu cầu tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động tại cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01

5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
7.	(7) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01

	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.7) Đối với hình thức là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, chủ sở hữu, thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn dưới 3 tỷ đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản chứng minh là phải có giấy tờ chứng minh là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
1.12	1.12. Trường hợp người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành đã được gia hạn giấy phép lao động có nhu cầu tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động tại cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số	Bản sao/bản chính	01

	219/2025/NĐ-CP.		
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp;	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty hoặc văn bản quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
7.	(7) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01

	<i>(7.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(7.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa	Bản sao/bản chính	01

	thuận được ký kết.		
1.13	1.13. Trường hợp người lao động nước ngoài là chuyên gia đã được gia hạn giấy phép lao động có nhu cầu tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động tại cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01

	<i>(6.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
1.14	1.14. Trường hợp người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật đã được gia hạn giấy phép lao động có nhu cầu tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động tại cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép lao động		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị cấp giấy phép lao động theo Mẫu số	Bản sao/bản chính	01

	03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.		
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) Hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
4.	(4) 02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
5.	(5) Bản sao giấy phép lao động đã được cấp.	Bản sao/bản chính	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động là một trong những giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam và xác nhận đã được người sử dụng lao động tại nước ngoài tuyển dụng trước đó ít nhất 12 tháng liên tục ngay trước khi vào Việt Nam làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài và văn bản chứng minh	Bản sao/bản chính	01

	người lao động nước ngoài đã làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài không có hiện diện thương mại tại Việt Nam được ít nhất 24 tháng.		
	<i>(6.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố - các Chi nhánh	
2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích	
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết		Mức thu (ĐVT: Việt Nam đồng)		Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
Ngày làm việc	Giờ làm việc	Phí	Lệ phí	
- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định trong trường hợp chấp thuận nhu cầu và cấp giấy phép lao động.	80 giờ	Không	- 400.000 đồng/ 1 giấy phép. - Trường hợp nộp hồ sơ dịch	Toàn trình

- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trong trường hợp không chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài hoặc không cấp giấy phép lao động.			vụ công trực tuyến: Không đồng (Theo Nghị quyết số 77/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025)	
---	--	--	---	--

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu đề nghị Về việc cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động	Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người sử dụng người lao động.

7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (ĐVT: Ngày làm việc)	Biểu mẫu/ kết quả
Bước 1	Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến). - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp không thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận lập Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Số hóa hồ sơ vào Hệ thống và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; chuyển đến Lãnh đạo Phòng chuyên môn trên Hệ thống.	0,5 ngày làm việc	- Thành phần hồ sơ theo quy định. - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có). - Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ/hướng dẫn thực hiện đúng thẩm quyền (nếu có). - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.

Bước 2	Trưởng Phòng chuyên môn, Sở Nội vụ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, chuyển trên Hệ thống đến công chức Phòng để phân công thực hiện.	0,5 ngày làm việc	
Bước 3	Chuyên viên phòng chuyên môn, Sở Nội vụ	Công chức Phòng chuyên môn được phân công thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định thì nêu rõ lý do hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết thì dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách xem xét. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách. Dự thảo giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động và ký nháy, trình cùng hồ sơ trên dịch vụ công.	3 ngày làm việc (Trong trường hợp hồ sơ không đạt, Lãnh đạo phòng chuyên viên trong 01 ngày làm việc)	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn, Sở Nội vụ	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, phê duyệt hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định, chuyên viên phòng chuyên môn dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký ban hành. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ và ký nháy Dự thảo giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động trình lãnh đạo Sở Nội vụ xem xét, phê duyệt	2,5 ngày làm việc (Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: 0,25 ngày làm việc)	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo

Bước 5	Lãnh đạo Sở Nội vụ	Lãnh đạo Sở Nội vụ xem xét hồ sơ và có ý kiến đồng ý hay không đồng ý cấp phép + Trường hợp lãnh đạo đồng ý thì ký giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động chuyển văn thư. + Trường hợp lãnh đạo Sở Nội vụ không đồng ý thì chuyển hồ sơ về chuyên viên phụ trách, chuyên viên dự thảo văn bản trả lời không cấp giấy xác nhận, trình lãnh đạo phòng ký chuyển văn thư.	2,5 ngày làm việc (Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: 0,25 ngày làm việc)	Kết quả thủ tục hành chính.
Bước 6	Bộ phận Văn thư, Công chức phòng chuyên môn, Sở Nội vụ	Văn thư thao tác đóng dấu chuyển trả kết quả trên dịch vụ công Đồng thời, Công chức phòng chuyên môn chuyển trả kết quả cho Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố (nếu nhận kết quả bản giấy)	01 ngày làm việc (Trong trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: 0,5 ngày làm việc)	
Bước 7	Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật trạng thái hồ sơ, lưu trữ thông tin tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.	Khi công dân đến nhận kết quả	- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã trả cho tổ chức/cá nhân
<i>Tổng thời gian: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.</i>				

10. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC.

Trách nhiệm	Chi nhánh Trung tâm Phục vụ hành chính công	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC (nếu pháp luật quy định).	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về Trung tâm PVHCC, đảm bảo thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ	Lưu trữ các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định của	Lưu trữ hồ sơ TTHC đã giải quyết theo quy định của pháp luật về lưu trữ 2024, Luật dữ liệu 2024 và văn bản pháp luật có liên quan.

	Luật lưu trữ 2024, luật Dữ liệu 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.	
--	---	--

**Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo
Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ**

**TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v giải trình nhu cầu sử dụng
người lao động nước ngoài và cấp/
cấp lại/gia hạn giấy phép lao động

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ... (Cơ quan có thẩm quyền)¹

I. Thông tin chung về người sử dụng lao động

1. Tên người sử dụng lao động:.....
2. Loại hình người sử dụng lao động²:
3. Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có):
4. Tổng số người lao động đang làm việc cho người sử dụng lao động: ... người.
Trong đó số người lao động nước ngoài đang làm việc là: ... người
5. Địa chỉ³:
6. Điện thoại:Email (nếu có):.....
7. Giấy phép kinh doanh/thành lập/hoạt động số:
- Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
- Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động chính⁴:
- * Trường hợp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện (nếu có):*
- Giấy phép kinh doanh/hoạt động số:
- Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động⁵:
- Cơ quan cấp: Thời hạn:
8. Người nộp hồ sơ để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email):
.....

II. Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài trong trường hợp tuyển dụng người lao động nước ngoài vào làm việc theo hình thức quy định tại điểm a, i và điểm m khoản 1 Điều 2 Nghị định này (áp dụng đối với trường hợp cấp và gia hạn giấy phép lao động)

Trước ít nhất 05 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ, người sử dụng lao động đã thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Bộ luật Lao động về tuyển dụng lao động vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài. Thông báo tuyển dụng gồm các thông tin cơ bản sau: Vị trí công việc (*cụ thể, lĩnh vực làm việc*); hình thức làm việc; địa điểm làm việc; thời hạn làm việc; trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có) (*văn bản thông báo tuyển dụng kèm theo*).

Tuy nhiên, không tuyển dụng được lao động Việt Nam vào vị trí dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

III. Đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động

Người sử dụng lao động đề nghị ... (Cơ quan có thẩm quyền)... cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài sau.

Trường hợp cấp lại giấy phép lao động, đề nghị ghi rõ lý do:

1. Thông tin cơ bản

a) Họ và tên (In hoa)/Full name (In capital letters):

b) Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:

c) Giới tính (Nam/Nữ)/Sex (Male/Female):

d) Quốc tịch/Nationality:

đ) Số hộ chiếu/Passport number:

Có giá trị đến ngày/Date of expiry:

e) Mã số định danh cá nhân (nếu có)/Personal Identification Number (If any):

2. Thông tin về việc làm dự kiến

a) Vị trí công việc⁶/Job assignment:

Cụ thể, lĩnh vực làm việc⁷/Job field:

b) Hình thức làm việc⁸/Working form:

c) Trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có)⁹/Technical professional qualification (If any):

d) Làm việc tại (kê khai trong trường hợp làm việc cho người sử dụng lao động khác với người sử dụng lao động tại mục I)/Working at (To be declared in the event of working at employer that differs from employer in section I):

Tên người sử dụng lao động/Name of employer:

.....

Loại hình người sử dụng lao động¹⁰/Type of employer:

.....

Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có)/Identification Number of employer (If any):

đ) Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc)¹¹/Working place (List of place):

.....

e) Thời hạn làm việc/Period of work: Từ (ngày/tháng/năm)/from (day/month/year) đến (ngày/tháng/năm)/to (day/month/year)

3. Quá trình đào tạo (áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép lao động)

Ghi cụ thể quá trình đào tạo, bằng cấp (nếu có).

4. Quá trình làm việc (áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép lao động)

Ghi cụ thể kinh nghiệm làm việc (tên người sử dụng lao động, thời gian làm việc, vị trí công việc (cụ thể lĩnh vực làm việc)) phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

5. Hình thức nhận kết quả

Hình thức (trực tuyến/trực tiếp dịch vụ bưu chính công ích):

Địa chỉ nhận kết quả¹²:

Người sử dụng lao động xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, người sử dụng lao động xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động.

^{(2), (10)} Ghi cụ thể: Khu vực nhà nước; doanh nghiệp (Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước; khu vực nước ngoài; nhà thầu; tổ chức/cơ quan khác.

^{(3), (11), (12)} Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

⁽⁴⁾ Ghi theo mã ngành kinh tế cấp 1 quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

⁽⁵⁾ Ghi theo danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

⁽⁶⁾ Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; chuyên gia; lao động kỹ thuật.

⁽⁷⁾ Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghề nghiệp dự kiến làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể hình thức làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

⁽⁹⁾ Ghi cụ thể (nếu có): Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, trình độ khác.

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ (04 QUY TRÌNH)

I. Quy trình: Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (QT-03)

1. Cơ sở pháp lý

- Bộ luật Lao động 2019;
- Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Quyết định số 526/QĐ-BNV ngày 13/5/2026 của Bộ Nội vụ Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND Thành phố về việc phân cấp Sở Nội vụ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1.1	1.1. Đối với người lao động nước ngoài là Trưởng văn phòng đại diện, dự án hoặc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (khoản 3 Điều 154 Bộ luật Lao động năm 2019)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có	Bản chính/Bản sao	01

	điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản chính/Bản sao	01
1.2	1.2. Đối với người lao động nước ngoài có hộ chiếu công vụ vào làm việc cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (khoản 9 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có	Bản chính/Bản sao	01

	điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản chính/Bản sao	01
1.3	1.3. Đối với người lao động nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận vào Việt Nam để thực hiện giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao chương trình giáo dục quốc tế (điểm a khoản 14 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia	Bản chính/Bản sao	01

	hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản chính/Bản sao	01
1.4	1.4. Đối với người lao động nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận vào Việt Nam để làm nhà quản lý, giám đốc điều hành, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam (điểm b khoản 14 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc	Bản chính/Bản sao	01

	gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản chính/Bản sao	01
1.5	1.5. Đối với người lao động nước ngoài được các bộ, cơ quan ngang bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận vào Việt Nam làm việc trong các lĩnh vực: tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, các lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội (khoản 15 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp	Bản chính/Bản sao	01

	kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật.	Bản chính/Bản sao	01
1.6	1.6. Đối với người lao động nước ngoài thuộc trường hợp theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (khoản 7 Điều 154 Bộ luật Lao động năm 2019)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp	Bản chính/Bản sao	01

	kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.	Bản chính/Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bản chính/Bản sao	01
1.7	1.7. Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, thẩm định, theo dõi đánh giá, quản lý và thực hiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức theo quy định hay thỏa thuận trong các điều ước quốc tế về nguồn hỗ trợ phát triển chính thức đã ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài (khoản 4 Điều 7		

	Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản chính/Bản sao	01
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.	Bản chính/Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bản chính/Bản sao	01
1.8	1.8. Đối với người lao động nước ngoài được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước		

	ngoài cử sang Việt Nam giảng dạy, làm nhà quản lý, giám đốc điều hành tại cơ sở giáo dục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức liên chính phủ đề nghị thành lập tại Việt Nam hoặc các cơ sở, tổ chức được thành lập theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia (khoản 6 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản chính/Bản sao	01
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản chính/Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.	Bản chính/Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Bản chính/Bản sao	01

	là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.		
1.9	1.9. Đối với người lao động nước ngoài là học sinh, sinh viên, học viên nước ngoài đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở Việt Nam hoặc nước ngoài có thỏa thuận thực tập hoặc thư mời làm việc cho người sử dụng lao động tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam (khoản 7 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản chính/Bản sao	01
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về	Bản chính/Bản sao	01

	hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bản chính/Bản sao	01
1.10	1.10. Đối với người lao động nước ngoài là tình nguyện viên làm việc tại Việt Nam theo hình thức tự nguyện và không hưởng lương để thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và có xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam (khoản 11 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản chính/Bản sao	01
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01

4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.	Bản chính/Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bản chính/Bản sao	01
1.11	1.11. Đối với người lao động nước ngoài vào Việt Nam thực hiện thỏa thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức ở Trung ương, cấp tỉnh ký kết theo quy định của pháp luật (khoản 12 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản chính/Bản sao	01
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép		01

	lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.	Bản chính/Bản sao	01
5.	(5) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động là văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài kèm thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Bản chính/Bản sao	01
1.12	1.12. Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản chính/Bản sao	01
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về		01

	giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam.	Bản chính/Bản sao	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản chính/Bản sao	01
	+ Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Bản chính/Bản sao	01
	+ Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản chính/Bản sao	01
1.13	1.13. Đối với người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được	Bản chính/Bản sao	01

	sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.		
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam.	Bản chính/Bản sao	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành là một trong các giấy tờ sau:	Bản chính/Bản sao	01
	+ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.	Bản chính/Bản sao	01
	+ Điều lệ công ty hoặc văn bản quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản chính/Bản sao	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện	Bản chính/Bản sao	01

	cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.		
1.14	1.14. Đối với người lao động nước ngoài là chuyên gia di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản chính/Bản sao	01
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01

5.	(5) Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam.	Bản chính/Bản sao	01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là chuyên gia là một trong các giấy tờ sau:	Bản chính/Bản sao	01
	+ Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương và văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của chuyên gia đó.	Bản chính/Bản sao	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam thì được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản chính/Bản sao	01
	+ Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh tốt nghiệp đại học trở lên hoặc tương đương trong lĩnh vực tài chính, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội hoặc theo thỏa thuận hợp tác của Chính phủ Việt Nam và văn bản xác nhận người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của chuyên gia đó.	Bản chính/Bản sao	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản chính/Bản sao	01
	+ Giấy chứng nhận thành tích cao, bằng cấp, kinh nghiệm trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đối với nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Bản chính/Bản sao	01
	+ Giấy phép lái tàu bay, chứng chỉ chuyên môn	Bản chính/Bản sao	01

	được phép làm việc trên tàu bay đối với tiếp viên hàng không, chứng nhận trình độ chuyên môn trong lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay, chứng nhận khả năng chuyên môn đối với thuyền viên nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp. Trường hợp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.		
	+ Giấy tờ chứng minh về trình độ, trình độ chuẩn theo Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp đối với chuyên gia làm việc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Trường hợp chuyên gia làm việc trong Trung tâm ngoại ngữ, tin học phải đảm bảo theo quy chế tổ chức hoạt động của trung tâm.	Bản chính/Bản sao	01
	+ Giấy tờ chứng minh chuyên gia làm việc trong một số nghề, công việc đặc thù khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, công việc đặc thù.	Bản chính/Bản sao	01
1.15	1.15. Đối với người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP)		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động đề nghị gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản chính/Bản sao	01
3.	(3) Bản sao giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01

	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam.	Bản chính/Bản sao	01
	(6) Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật là một trong các giấy tờ sau:	Bản chính/Bản sao	01
	+ Văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận chứng minh đào tạo ít nhất 01 năm và văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của lao động kỹ thuật đó.	Bản chính/Bản sao	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.	Bản chính/Bản sao	01
	+ Văn bản xác nhận của người sử dụng lao động tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm làm việc của lao động kỹ thuật đó.	Bản chính/Bản sao	01
	Trường hợp người lao động nước ngoài đã làm việc tại Việt Nam được sử dụng giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã được cấp để thay thế giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp với vị trí công việc mà người lao	Bản chính/Bản sao	01

	động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.		
--	--	--	--

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại các Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	
2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích	
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết		Mức thu (ĐVT: Việt Nam đồng)		Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
Ngày làm việc	Giờ làm việc	Phí	Lệ phí	
05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	40 giờ	Không	Không	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu đề nghị Về việc cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người sử dụng người lao động.

7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (theo Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)

- Thời hạn ủy quyền: từ ngày 20/6/2026 đến hết ngày 31/12/2028.

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (ĐVT: Ngày làm việc)	Biểu mẫu/ kết quả
Bước 1	Các Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến). - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp không thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận lập Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Số hóa hồ sơ vào Hệ thống và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; chuyển đến Lãnh đạo Phòng chuyên môn trên Hệ thống.	0,5 ngày làm việc	- Thành phần hồ sơ theo quy định. - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có). - Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ/hướng dẫn thực hiện đúng thẩm quyền (nếu có). - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 2	Trưởng Phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, chuyển trên Hệ thống đến công chức Phòng để phân công thực hiện.	0,25 ngày làm việc	

Bước 3	Chuyên viên phòng chuyên môn cấp xã	Công chức Phòng chuyên môn được phân công thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định thì dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách xem xét. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách. Dự thảo giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động và ký nháy, trình cùng hồ sơ trên dịch vụ công.	1,25 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, phê duyệt hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định, chuyên viên phòng chuyên môn dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy chuyển Lãnh đạo UBND cấp xã. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ và ký nháy Dự thảo giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động trình UBND cấp xã xem xét, phê duyệt	1 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo

Bước 5	Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét hồ sơ và có ý kiến đồng ý hay không đồng ý cấp phép + Trường hợp lãnh đạo đồng ý thì ký giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. + Trường hợp lãnh đạo UBND cấp xã không đồng ý thì chuyển hồ sơ về chuyên viên phụ trách, chuyên viên dự thảo văn bản trả lời không cấp giấy xác nhận, trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy chuyển Lãnh đạo UBND cấp xã ký ban hành.	01 ngày làm việc	Kết quả thủ tục hành chính.
Bước 6	Bộ phận Văn thư	Công chức Bộ phận Văn thư phát hành văn bản, thao tác hoàn thiện hồ sơ trên Hệ thống để chuyển trả kết quả cho Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Thành phố.	01 ngày làm việc	
Bước 7	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật trạng thái hồ sơ, lưu trữ thông tin tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.	Khi công dân đến nhận kết quả	- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã trả cho tổ chức/cá nhân
<i>Tổng thời gian: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.</i>				

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC.

Trách nhiệm	Điểm Phục vụ hành chính công cấp xã	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC (nếu pháp luật quy định).	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về Trung tâm PVHCC, đảm bảo thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ	Lưu trữ các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định của Luật lưu trữ 2024, luật Dữ liệu 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.	Lưu trữ hồ sơ TTHC đã giải quyết theo quy định của pháp luật về lưu trữ 2024, Luật dữ liệu 2024 và văn bản pháp luật có liên quan.

Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo
Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ

TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận
không thuộc diện cấp giấy phép lao động

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền)¹

I. Thông tin chung về người sử dụng lao động

1. Tên người sử dụng lao động:.....
2. Loại hình người sử dụng lao động²:
3. Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có):
4. Tổng số người lao động đang làm việc cho người sử dụng lao động: ... người.
Trong đó, số người lao động nước ngoài đang làm việc là: ...người
5. Địa chỉ³:
6. Điện thoại:Email (nếu có):.....
7. Giấy phép kinh doanh/thành lập/hoạt động số:
- Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
- Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động chính⁴:
- * Trường hợp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện (nếu có):*
- Giấy phép kinh doanh/hoạt động số:
- Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động⁵:
- Cơ quan cấp: Thời hạn:
8. Người nộp hồ sơ để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email):
.....

II. Đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Người sử dụng lao động đề nghị ... (Cơ quan có thẩm quyền)... cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm... khoản... Điều... Nghị định này.

Lý do đề nghị (áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, nêu rõ lý do):.....

1. Thông tin cơ bản

- a) Họ và tên (In hoa)/Full name (In capital letters):
- b) Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:
- c) Giới tính (Nam/Nữ)/Sex (Male/Female):
- d) Quốc tịch/Nationality:
- đ) Số hộ chiếu/Passport number:

Có giá trị đến ngày/*Date of expiry*:

e) Mã số định danh cá nhân (nếu có)/*Personal Identification Number (If any)*:
.....

2. Thông tin về việc làm dự kiến

a) Vị trí công việc⁶/*Job assignment*:

Cụ thể, lĩnh vực làm việc⁷/*Job field*:

b) Hình thức làm việc⁸/*Working form*:

c) Trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có)⁹/*Technical professional qualification (If any)*:
.....

d) Làm việc tại (kê khai trong trường hợp làm việc cho người sử dụng lao động khác với người sử dụng lao động tại mục I)/*Working at (To be declared in the event of working at employer that differs from employer in section I)*:

Tên người sử dụng lao động/*Name of employer*:
.....

Loại hình người sử dụng lao động¹⁰/*Type of employer*:
.....

Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có)/*Identification Number of employer (If any)*:

đ) Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc)¹¹/*Working place (List of place)*:

e) Thời hạn làm việc/*Period of work*: Từ (ngày/tháng/năm)/ *from (day/month/year)* đến (ngày/tháng/năm)/ *to (day/month/year)*

3. Hình thức nhận kết quả

Hình thức (trực tuyến/trực tiếp/dịch vụ bưu chính công ích):

Địa chỉ nhận kết quả¹²:

Người sử dụng lao động xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, người sử dụng lao động xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

^{(2), (10)} Ghi cụ thể: Khu vực nhà nước; doanh nghiệp (Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước; khu vực nước ngoài; nhà thầu; tổ chức/cơ quan khác.

^{(3), (11), (12)} Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

⁽⁴⁾ Ghi theo mã ngành kinh tế cấp 1 quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

⁽⁵⁾ Ghi theo danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

⁽⁶⁾ Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; chuyên gia; lao động kỹ thuật.

⁽⁷⁾ Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghề nghiệp dự kiến làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể hình thức làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

⁽⁹⁾ Ghi cụ thể (nếu có): Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, trình độ khác.

II. Quy trình: Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (QT-04)

1. Cơ sở pháp lý

- Bộ luật Lao động 2019;
- Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Quyết định số 526/QĐ-BNV ngày 13/5/2026 của Bộ Nội vụ Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND Thành phố về việc phân cấp Sở Nội vụ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1.	Văn bản đề nghị cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản chính/Bản sao	01
2.	Giấy tờ chứng minh việc thay đổi một trong các nội dung sau: họ và tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa điểm làm việc, đổi tên người sử dụng lao động mà không thay đổi mã số định danh của người sử dụng lao động.	Bản sao/bản chính	01
3.	Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn, trừ trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng không sử dụng được.	Bản chính	01

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	
2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích	
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết		Mức thu (ĐVT: Việt Nam đồng)		Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
Ngày làm việc	Giờ làm việc	Phí	Lệ phí	
03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	24 giờ	Không	Không	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu đề nghị Về việc cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người sử dụng người lao động.

7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (theo Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)

- Thời hạn ủy quyền: từ ngày 20/6/2026 đến hết ngày 31/12/2028.

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (ĐVT: Ngày làm việc)	Biểu mẫu/ kết quả
Bước 1	Các Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến). - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp không thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận lập Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Số hóa hồ sơ vào Hệ thống và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; chuyển đến Lãnh đạo Phòng chuyên môn trên Hệ thống.	0,25 ngày làm việc	- Thành phần hồ sơ theo quy định. - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có). - Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ/hướng dẫn thực hiện đúng thẩm quyền (nếu có). - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 2	Trưởng Phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, chuyển trên Hệ thống đến công chức Phòng để phân công thực hiện.	0,25 ngày làm việc	
Bước 3	Chuyên viên phòng chuyên môn cấp xã	Công chức Phòng chuyên môn được phân công thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định thì dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách xem xét. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách. Dự thảo giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động và ký nháy, trình cùng hồ sơ trên dịch vụ công.	01 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo

Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, phê duyệt hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định, chuyên viên phòng chuyên môn dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy chuyển Lãnh đạo UBND cấp xã. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ và ký nháy Dự thảo giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động trình UBND cấp xã xem xét, phê duyệt	0,5 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo
Bước 5	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét hồ sơ và có ý kiến đồng ý hay không đồng ý cấp phép + Trường hợp lãnh đạo đồng ý thì ký giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. + Trường hợp lãnh đạo UBND cấp xã không đồng ý thì chuyển hồ sơ về chuyên viên phụ trách, chuyên viên dự thảo văn bản trả lời không cấp giấy xác nhận, trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy chuyển Lãnh đạo UBND cấp xã ký ban hành.	0,5 ngày làm việc	Kết quả thủ tục hành chính.
Bước 6	Bộ phận Văn thư	Công chức Bộ phận Văn thư phát hành văn bản, thao tác hoàn thiện hồ sơ trên Hệ thống để chuyển trả kết quả cho Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Thành phố.	0,5 ngày làm việc	
Bước 7	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật trạng thái hồ sơ, lưu trữ thông tin tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.	Khi công dân đến nhận kết quả	- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã trả cho tổ chức/cá nhân
<i>Tổng thời gian: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.</i>				

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC.

Trách nhiệm	Điểm Phục vụ hành chính công cấp xã	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC (nếu pháp luật quy định).	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về Trung tâm PVHCC, đảm bảo thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ	Lưu trữ các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định của Luật lưu trữ 2024, luật Dữ liệu 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.	Lưu trữ hồ sơ TTHC đã giải quyết theo quy định của pháp luật về lưu trữ 2024, Luật dữ liệu 2024 và văn bản pháp luật có liên quan.

Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo
Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ

TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận
 không thuộc diện cấp giấy phép lao động

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền)¹

I. Thông tin chung về người sử dụng lao động

1. Tên người sử dụng lao động:.....
2. Loại hình người sử dụng lao động²:
3. Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có):
4. Tổng số người lao động đang làm việc cho người sử dụng lao động: ... người.
Trong đó, số người lao động nước ngoài đang làm việc là: ...người
5. Địa chỉ³:
6. Điện thoại:Email (nếu có):.....
7. Giấy phép kinh doanh/thành lập/hoạt động số:
 Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
 Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động chính⁴:
- * *Trường hợp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện (nếu có):*
 Giấy phép kinh doanh/hoạt động số:
 Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động⁵:
 Cơ quan cấp: Thời hạn:
8. Người nộp hồ sơ để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email):

II. Đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động

Người sử dụng lao động đề nghị ... (Cơ quan có thẩm quyền)... cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo quy định tại điểm... khoản... Điều... Nghị định này.

Lý do đề nghị (*áp dụng đối với trường hợp cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, nêu rõ lý do*):.....

1. Thông tin cơ bản

- a) Họ và tên (In hoa)/Full name (In capital letters):
- b) Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:
- c) Giới tính (Nam/Nữ)/Sex (Male/Female):
- d) Quốc tịch/Nationality:
- đ) Số hộ chiếu/Passport number:

Có giá trị đến ngày/*Date of expiry*:

e) Mã số định danh cá nhân (nếu có)/*Personal Identification Number (If any)*:
.....

2. Thông tin về việc làm dự kiến

a) Vị trí công việc⁶/*Job assignment*:

Cụ thể, lĩnh vực làm việc⁷/*Job field*:

b) Hình thức làm việc⁸/*Working form*:

c) Trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có)⁹/*Technical professional qualification (If any)*:
.....

d) Làm việc tại (kê khai trong trường hợp làm việc cho người sử dụng lao động khác với người sử dụng lao động tại mục I)/*Working at (To be declared in the event of working at employer that differs from employer in section I)*:

Tên người sử dụng lao động/*Name of employer*:
.....

Loại hình người sử dụng lao động¹⁰/*Type of employer*:
.....

Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có)/*Identification Number of employer (If any)*:

đ) Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc)¹¹/*Working place (List of place)*:

e) Thời hạn làm việc/*Period of work*: Từ (ngày/tháng/năm)/ *from (day/month/year)* đến (ngày/tháng/năm)/ *to (day/month/year)*

3. Hình thức nhận kết quả

Hình thức (trực tuyến/trực tiếp/dịch vụ bưu chính công ích):

Địa chỉ nhận kết quả¹²:

Người sử dụng lao động xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, người sử dụng lao động xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp/cấp lại/gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

^{(2), (10)} Ghi cụ thể: Khu vực nhà nước; doanh nghiệp (Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước; khu vực nước ngoài; nhà thầu; tổ chức/cơ quan khác.

^{(3), (11), (12)} Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, xóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

⁽⁴⁾ Ghi theo mã ngành kinh tế cấp 1 quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

⁽⁵⁾ Ghi theo danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

⁽⁶⁾ Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; chuyên gia; lao động kỹ thuật.

⁽⁷⁾ Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghề dự kiến làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể hình thức làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

⁽⁹⁾ Ghi cụ thể (nếu có): Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, trình độ khác.

III. Quy trình: Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (QT-05)

1. Cơ sở pháp lý

- Bộ luật Lao động 2019;
- Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Quyết định số 526/QĐ-BNV ngày 13/5/2026 của Bộ Nội vụ Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND Thành phố về việc phân cấp Sở Nội vụ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1.1	1.1. Đối với người lao động nước ngoài là nhà quản lý		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị gia hạn giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu hoặc file ảnh trong trường hợp nộp trực tuyến (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về ảnh		01

	trong cơ sở dữ liệu dùng chung, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		
4.	(4) Bản sao giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài trừ trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức thực hiện hợp đồng lao động là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang</i>	Bản sao/bản chính	01

	<i>Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>		
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.7) Đối với hình thức là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, chủ sở hữu, thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn dưới 3 tỷ đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản chứng minh là phải có giấy tờ chứng minh là nhà quản lý là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	- Điều lệ công ty và giấy tờ chứng minh là nhà quản lý hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với các vị trí là nhà quản lý theo quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;	Bản sao/bản chính	01
	- Giấy phép thành lập cơ quan, tổ chức hoặc văn bản bổ nhiệm, điều động đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.	Bản sao/bản chính	01
1.2	1.2. Đối với người lao động nước ngoài là giám đốc điều hành	Bản sao/bản chính	
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị gia hạn giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu hoặc file ảnh trong trường hợp	Bản chính	01

	nộp trực tuyến (kích thước 4 cm x 6 cm, phong nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).		
	Trường hợp khai thác được thông tin về ảnh trong cơ sở dữ liệu dùng chung, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài trừ trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức thực hiện hợp đồng lao động là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao	Bản sao/bản	01

	động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	chính	
	<i>(6.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
1.3	1.3. Đối với người lao động nước ngoài là chuyên gia		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị gia hạn giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu hoặc file ảnh trong trường hợp nộp trực tuyến (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về ảnh trong cơ sở dữ liệu dùng chung, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi		01

	thông tin về giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		
5.	(5) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài trừ trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức thực hiện hợp đồng lao động là một trong các giấy tờ sau:	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các</i>	Bản sao/bản	01

	<i>gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	chính	
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
1.4	1.4. Đối với người lao động nước ngoài là lao động kỹ thuật		
1.	(1) Văn bản của người sử dụng lao động báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài và đề nghị gia hạn giấy phép lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP.	Bản sao/bản chính	01
2.	(2) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện cấp, trừ trường hợp kết quả khám sức khỏe đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước ngoài cấp được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thời hạn sử dụng của giấy khám sức khỏe đó không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp.	Bản sao/bản chính	01
3.	(3) 02 ảnh màu hoặc file ảnh trong trường hợp nộp trực tuyến (kích thước 4 cm x 6 cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	Bản chính	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về ảnh trong cơ sở dữ liệu dùng chung, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
4.	(4) Bản sao giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về giấy phép lao động, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
5.	(5) Bản sao trang nhân thân hộ chiếu còn thời hạn.	Bản sao	01
	Trường hợp khai thác được thông tin về hộ chiếu còn thời hạn trong cơ sở dữ liệu dùng chung hoặc không có sự thay đổi thông tin về hộ chiếu, người sử dụng lao động không phải nộp thành phần hồ sơ này.		01
6.	(6) Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài trừ trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức thực	Bản sao/bản chính	01

	hiện hợp đồng lao động là một trong các giấy tờ sau:		
	<i>(6.1) Đối với hình thức là di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc có thời hạn tại hiện diện thương mại trên lãnh thổ Việt Nam.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.2) Đối với hình thức là thực hiện các loại hợp đồng hoặc thỏa thuận về kinh tế, xã hội:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.3) Đối với hình thức là nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết giữa đối tác Việt Nam và nước ngoài.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.4) Đối với hình thức là chào bán dịch vụ:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của nhà cung cấp dịch vụ cử người lao động nước ngoài vào Việt Nam để đàm phán cung cấp dịch vụ.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.5) Đối với hình thức là được điều chuyển từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài sang Việt Nam làm việc trừ trường hợp di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp:</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động tại nước ngoài cử người lao động nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam và phù hợp với vị trí dự kiến làm việc.	Bản sao/bản chính	01
	<i>(6.6) Đối với hình thức là tham gia thực hiện các gói thầu, dự án tại Việt Nam</i>	Bản sao/bản chính	01
	Văn bản của người sử dụng lao động cử người lao động nước ngoài kèm hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký kết.	Bản sao/bản chính	01

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại các Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	

2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích	
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết		Mức thu (ĐVT: Việt Nam đồng)		Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
Ngày làm việc	Giờ làm việc	Phí	Lệ phí	
10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	80 giờ	Không	- 300.000 đồng/ 1 giấy phép. - Trường hợp nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến: Không đồng (Theo Nghị quyết số 77/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025)	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu đề nghị Về việc cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động	Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người sử dụng người lao động.

7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (theo Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)

- Thời hạn ủy quyền: từ ngày 20/6/2026 đến hết ngày 31/12/2028.

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (ĐVT: Ngày làm việc)	Biểu mẫu/ kết quả
Bước 1	Các Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến). - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp không thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận lập Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Số hóa hồ sơ vào Hệ thống và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; chuyển đến Lãnh đạo Phòng chuyên môn trên Hệ thống.	0,5 ngày làm việc	- Thành phần hồ sơ theo quy định. - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có). - Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ/hướng dẫn thực hiện đúng thẩm quyền (nếu có). - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 2	Trưởng Phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, chuyển trên Hệ thống đến công chức Phòng để phân công thực hiện.	0,5 ngày làm việc	
Bước 3	Chuyên viên phòng chuyên môn cấp xã	Công chức Phòng chuyên môn được phân công thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định thì dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách xem xét. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách. Dự thảo giấy phép lao động và ký nháy, trình cùng hồ sơ trên dịch vụ công.	3 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo

Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, phê duyệt hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định, chuyên viên phòng chuyên môn dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy chuyển Lãnh đạo UBND cấp xã. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ và ký nháy Dự thảo giấy phép lao động trình UBND cấp xã xem xét, phê duyệt	3 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo
Bước 5	Lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét hồ sơ và có ý kiến đồng ý hay không đồng ý cấp phép + Trường hợp lãnh đạo đồng ý thì ký giấy phép lao động. + Trường hợp lãnh đạo UBND cấp xã không đồng ý thì chuyển hồ sơ về chuyên viên phụ trách, chuyên viên dự thảo văn bản trả lời không cấp giấy phép, trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy chuyển Lãnh đạo UBND cấp xã ký ban hành.	2 ngày làm việc	Kết quả thủ tục hành chính.
Bước 6	Bộ phận Văn thư	Công chức Bộ phận Văn thư phát hành văn bản, thao tác hoàn thiện hồ sơ trên Hệ thống để chuyển trả kết quả cho Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Thành phố.	01 ngày làm việc	
Bước 7	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật trạng thái hồ sơ, lưu trữ thông tin tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.	Khi công dân đến nhận kết quả	- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã trả cho tổ chức/cá nhân
<i>Tổng thời gian:</i> 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.				

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC.

Trách nhiệm	Điểm Phục vụ hành chính công cấp xã	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về Trung tâm PVHCC, đảm bảo thời hạn trả kết quả.

	(nếu pháp luật quy định).	- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ	Lưu trữ các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định của Luật lưu trữ 2024, luật Dữ liệu 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.	Lưu trữ hồ sơ TTHC đã giải quyết theo quy định của pháp luật về lưu trữ 2024, Luật dữ liệu 2024 và văn bản pháp luật có liên quan.

**Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo
Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ**

**TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v giải trình nhu cầu sử dụng
người lao động nước ngoài và cấp/
cấp lại/gia hạn giấy phép lao động

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ... (Cơ quan có thẩm quyền)¹

I. Thông tin chung về người sử dụng lao động

1. Tên người sử dụng lao động:.....
2. Loại hình người sử dụng lao động²:
3. Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có):
4. Tổng số người lao động đang làm việc cho người sử dụng lao động: ... người.
Trong đó số người lao động nước ngoài đang làm việc là: ...người
5. Địa chỉ³:
6. Điện thoại:Email (nếu có):.....
7. Giấy phép kinh doanh/thành lập/hoạt động số:
Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động chính⁴:
- * *Trường hợp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện (nếu có):*
Giấy phép kinh doanh/hoạt động số:
Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động⁵:
Cơ quan cấp: Thời hạn:
8. Người nộp hồ sơ để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email):
.....

II. Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài trong trường hợp tuyển dụng người lao động nước ngoài vào làm việc theo hình thức quy định tại điểm a, i và điểm m khoản 1 Điều 2 Nghị định này (áp dụng đối với trường hợp cấp và gia hạn giấy phép lao động)

Trước ít nhất 05 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ, người sử dụng lao động đã thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Bộ luật Lao động về tuyển dụng lao động vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài. Thông báo tuyển dụng gồm các thông tin cơ bản sau: Vị trí công việc (*cụ thể, lĩnh vực làm việc*); hình thức làm việc; địa điểm làm việc; thời hạn làm việc; trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có) (*văn bản thông báo tuyển dụng kèm theo*).

Tuy nhiên, không tuyển dụng được lao động Việt Nam vào vị trí dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

III. Đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động

Người sử dụng lao động đề nghị ... (Cơ quan có thẩm quyền)... cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài sau.

Trường hợp cấp lại giấy phép lao động, đề nghị ghi rõ lý do:

1. Thông tin cơ bản

a) Họ và tên (In hoa)/Full name (In capital letters):

b) Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:

c) Giới tính (Nam/Nữ)/Sex (Male/Female):

d) Quốc tịch/Nationality:

đ) Số hộ chiếu/Passport number:

Có giá trị đến ngày/Date of expiry:

e) Mã số định danh cá nhân (nếu có)/Personal Identification Number (If any):

2. Thông tin về việc làm dự kiến

a) Vị trí công việc⁶/Job assignment:

Cụ thể, lĩnh vực làm việc⁷/Job field:

b) Hình thức làm việc⁸/Working form:

c) Trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có)⁹/Technical professional qualification (If any):

d) Làm việc tại (kê khai trong trường hợp làm việc cho người sử dụng lao động khác với người sử dụng lao động tại mục I)/Working at (To be declared in the event of working at employer that differs from employer in section I):

Tên người sử dụng lao động/Name of employer:

.....

Loại hình người sử dụng lao động¹⁰/Type of employer:

.....

Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có)/Identification Number of employer (If any):

đ) Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc)¹¹/Working place (List of place):

.....

e) Thời hạn làm việc/Period of work: Từ (ngày/tháng/năm)/from (day/month/year) đến (ngày/tháng/năm)/to (day/month/year)

3. Quá trình đào tạo (áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép lao động)

Ghi cụ thể quá trình đào tạo, bằng cấp (nếu có).

4. Quá trình làm việc (áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép lao động)

Ghi cụ thể kinh nghiệm làm việc (tên người sử dụng lao động, thời gian làm việc, vị trí công việc (cụ thể lĩnh vực làm việc)) phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

5. Hình thức nhận kết quả

Hình thức (trực tuyến/trực tiếp dịch vụ bưu chính công ích):

Địa chỉ nhận kết quả¹²:

Người sử dụng lao động xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, người sử dụng lao động xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động.

^{(2), (10)} Ghi cụ thể: Khu vực nhà nước; doanh nghiệp (Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước; khu vực nước ngoài; nhà thầu; tổ chức/cơ quan khác.

^{(3), (11), (12)} Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

⁽⁴⁾ Ghi theo mã ngành kinh tế cấp 1 quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

⁽⁵⁾ Ghi theo danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

⁽⁶⁾ Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; chuyên gia; lao động kỹ thuật.

⁽⁷⁾ Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghề nghiệp dự kiến làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể hình thức làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

⁽⁹⁾ Ghi cụ thể (nếu có): Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, trình độ khác.

IV. Quy trình: Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (QT-06)

1. Cơ sở pháp lý

- Bộ luật Lao động 2019;
- Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- Quyết định số 526/QĐ-BNV ngày 13/5/2026 của Bộ Nội vụ Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND Thành phố về việc phân cấp Sở Nội vụ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Bản sao/bản chính	Số lượng
1.	Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép lao động của người sử dụng lao động theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP	Bản chính/Bản sao	01
2.	02 ảnh màu (kích thước 4 cm x 6 cm phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính).	bản chính	01
3.	Giấy tờ chứng minh việc thay đổi một trong các nội dung ghi trong giấy phép lao động còn thời hạn: họ và tên; quốc tịch; số hộ chiếu; đổi tên người sử dụng lao động mà không thay đổi mã số định danh của người sử dụng lao động.	Bản chính/Bản sao	01
4.	Giấy phép lao động còn thời hạn, trừ trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng không sử dụng được.	Bản chính	01

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức	Địa chỉ
1	Trực tiếp tại các Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	
2	Thông qua dịch vụ bưu chính công ích	

3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn
---	---	---

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết		Mức thu (ĐVT: Việt Nam đồng)		Cung cấp dịch vụ công trực tuyến
Ngày làm việc	Giờ làm việc	Phí	Lệ phí	
03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	24 giờ	Không	- 300.000 đồng/ 1 giấy phép. - Trường hợp nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến: Không đồng (Theo Nghị quyết số 77/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025)	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu đề nghị Về việc cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động	Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người sử dụng người lao động.

7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Quyết định số 1052/QĐ-SNV ngày 09/6/2026 về việc ủy quyền Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số thủ tục hành chính và nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến người lao động nước ngoài thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ*)

- Thời hạn ủy quyền: từ ngày 20/6/2026 đến hết ngày 31/12/2028.

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (ĐVT: Ngày làm việc)	Biểu mẫu/ kết quả
Bước 1	Các Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ (ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến). - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp không thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận lập Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ gửi cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Số hóa hồ sơ vào Hệ thống và gửi Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; chuyển đến Lãnh đạo Phòng chuyên môn trên Hệ thống.	0,25 ngày làm việc	- Thành phần hồ sơ theo quy định. - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có). - Phiếu từ chối tiếp nhận hồ sơ/hướng dẫn thực hiện đúng thẩm quyền (nếu có). - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
Bước 2	Trưởng Phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, chuyển trên Hệ thống đến công chức Phòng để phân công thực hiện.	0,5 ngày làm việc	

Bước 3	Chuyên viên phòng chuyên môn cấp xã	Công chức Phòng chuyên môn được phân công thụ lý hồ sơ tiến hành thẩm định - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định thì dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách xem xét. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ trình Lãnh đạo phòng chuyên môn phụ trách. Dự thảo giấy phép lao động và ký nháy, trình cùng hồ sơ trên dịch vụ công.	01 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét, phê duyệt hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thành phần, nội dung, số lượng theo quy định, chuyên viên phòng chuyên môn dự thảo thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy chuyên Lãnh đạo UBND cấp xã. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thành phần, số lượng, nội dung theo quy định thì chuyển hồ sơ và ký nháy Dự thảo giấy phép lao động trình UBND cấp xã xem xét, phê duyệt	0,5 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản và hồ sơ kèm theo

Bước 5	Lãnh đạo UBND cấp xã phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét hồ sơ và có ý kiến đồng ý hay không đồng ý cấp phép + Trường hợp lãnh đạo đồng ý thì ký giấy phép lao động. + Trường hợp lãnh đạo UBND cấp xã không đồng ý thì chuyển hồ sơ về chuyên viên phụ trách, chuyên viên dự thảo văn bản trả lời không cấp giấy phép, trình Lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy chuyển Lãnh đạo UBND cấp xã ký ban hành.	0,5 ngày làm việc	Kết quả thủ tục hành chính.
Bước 6	Bộ phận Văn thư	Công chức Bộ phận Văn thư phát hành văn bản, thao tác hoàn thiện hồ sơ trên Hệ thống để chuyển trả kết quả cho Điểm hỗ trợ dịch vụ công số Thành phố.	0,25 ngày làm việc	
Bước 7	Điểm hỗ trợ dịch vụ công số	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật trạng thái hồ sơ, lưu trữ thông tin tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.	Khi công dân đến nhận kết quả	- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã trả cho tổ chức/cá nhân
<i>Tổng thời gian: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.</i>				

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC.

Trách nhiệm	Điểm Phục vụ hành chính công cấp xã	Cơ quan giải quyết hồ sơ
Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	Trả hồ sơ (nếu có theo quy định), kết quả bản giấy giải quyết TTHC (nếu pháp luật quy định).	- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về Trung tâm PVHCC, đảm bảo thời hạn trả kết quả. - Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
Lưu trữ	Lưu trữ các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo quy định của Luật lưu trữ 2024, luật Dữ liệu 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.	Lưu trữ hồ sơ TTHC đã giải quyết theo quy định của pháp luật về lưu trữ 2024, Luật dữ liệu 2024 và văn bản pháp luật có liên quan.

**Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo
Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ**

**TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v giải trình nhu cầu sử dụng
người lao động nước ngoài và cấp/
cấp lại/gia hạn giấy phép lao động

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: ... (Cơ quan có thẩm quyền)¹

I. Thông tin chung về người sử dụng lao động

1. Tên người sử dụng lao động:.....
2. Loại hình người sử dụng lao động²:
3. Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có):
4. Tổng số người lao động đang làm việc cho người sử dụng lao động: ... người.
Trong đó số người lao động nước ngoài đang làm việc là: ...người
5. Địa chỉ³:
6. Điện thoại:Email (nếu có):.....
7. Giấy phép kinh doanh/thành lập/hoạt động số:
- Cơ quan cấp: Có giá trị đến ngày:
- Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động chính⁴:
- * Trường hợp kinh doanh ngành, nghề có điều kiện (nếu có):*
- Giấy phép kinh doanh/hoạt động số:
- Lĩnh vực kinh doanh/hoạt động⁵:
- Cơ quan cấp: Thời hạn:
8. Người nộp hồ sơ để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email):
.....

II. Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài trong trường hợp tuyển dụng người lao động nước ngoài vào làm việc theo hình thức quy định tại điểm a, i và điểm m khoản 1 Điều 2 Nghị định này (áp dụng đối với trường hợp cấp và gia hạn giấy phép lao động)

Trước ít nhất 05 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ, người sử dụng lao động đã thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Bộ luật Lao động về tuyển dụng lao động vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài. Thông báo tuyển dụng gồm các thông tin cơ bản sau: Vị trí công việc (*cụ thể, lĩnh vực làm việc*); hình thức làm việc; địa điểm làm việc; thời hạn làm việc; trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có) (*văn bản thông báo tuyển dụng kèm theo*).

Tuy nhiên, không tuyển dụng được lao động Việt Nam vào vị trí dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

III. Đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động

Người sử dụng lao động đề nghị ... (Cơ quan có thẩm quyền)... cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài sau.

Trường hợp cấp lại giấy phép lao động, đề nghị ghi rõ lý do:

1. Thông tin cơ bản

a) Họ và tên (In hoa)/*Full name (In capital letters)*:

b) Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*:

c) Giới tính (Nam/Nữ)/*Sex (Male/Female)*:

d) Quốc tịch/*Nationality*:

đ) Số hộ chiếu/*Passport number*:

Có giá trị đến ngày/*Date of expiry*:

e) Mã số định danh cá nhân (nếu có)/*Personal Identification Number (If any)*:
.....

2. Thông tin về việc làm dự kiến

a) Vị trí công việc⁶/*Job assignment*:

*Cụ thể, lĩnh vực làm việc*⁷/*Job field*:

b) Hình thức làm việc⁸/*Working form*:

c) Trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có)⁹/*Technical professional qualification (If any)*:
.....

d) Làm việc tại (kê khai trong trường hợp làm việc cho người sử dụng lao động khác với người sử dụng lao động tại mục I)/*Working at (To be declared in the event of working at employer that differs from employer in section I)*:

Tên người sử dụng lao động/Name of employer:
.....

*Loại hình người sử dụng lao động*¹⁰/*Type of employer*:
.....

Mã số định danh người sử dụng lao động (nếu có)/Identification Number of employer (If any):

đ) Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc)¹¹/*Working place (List of place)*:

e) Thời hạn làm việc/*Period of work*: Từ (ngày/tháng/năm)/*from (day/month/year)* đến (ngày/tháng/năm)/*to (day/month/year)*

3. Quá trình đào tạo (áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép lao động)

Ghi cụ thể quá trình đào tạo, bằng cấp (nếu có).

4. Quá trình làm việc (áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép lao động)

Ghi cụ thể kinh nghiệm làm việc (tên người sử dụng lao động, thời gian làm việc, vị trí công việc (cụ thể lĩnh vực làm việc)) phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

5. Hình thức nhận kết quả

Hình thức (trực tuyến/trực tiếp dịch vụ bưu chính công ích):

Địa chỉ nhận kết quả¹²:

Người sử dụng lao động xin cam đoan những thông tin nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, người sử dụng lao động xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan có thẩm quyền cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động.

^{(2), (10)} Ghi cụ thể: Khu vực nhà nước; doanh nghiệp (Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); đơn vị sự nghiệp ngoài nhà nước; khu vực nước ngoài; nhà thầu; tổ chức/cơ quan khác.

^{(3), (11), (12)} Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

⁽⁴⁾ Ghi theo mã ngành kinh tế cấp 1 quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

⁽⁵⁾ Ghi theo danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

⁽⁶⁾ Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; chuyên gia; lao động kỹ thuật.

⁽⁷⁾ Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghề nghiệp dự kiến làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

⁽⁸⁾ Ghi cụ thể hình thức làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

⁽⁹⁾ Ghi cụ thể (nếu có): Tiến sĩ, Thạc sĩ, Đại học, trình độ khác.